

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1257/TTr-STC ngày 28 tháng 11 năm 2019; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 65/HĐND-TH ngày 21 tháng 01 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

2. Quyết định này phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

3. Đối với công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, căn cứ quy định chi tiết, hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành

hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị), trừ các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

2. Việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) quy định tại Điều 4 Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị thuộc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

## **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng**

1. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân:

a) Trường hợp thuộc trụ sở của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

| STT | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                               | Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> ) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh                                                                          | 35                                 |
| 2   | UBND các huyện, thị xã, thành phố                                                                          | 45                                 |
| 3   | UBND các xã, phường, thị trấn                                                                              | 40                                 |
| 4   | Đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố | 20                                 |

b) Trường hợp thuộc Ban tiếp công dân tỉnh tối đa không quá 100 m<sup>2</sup>.

2. Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin:

| STT | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị      | Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh | 40                                 |
| 2   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | 40                                 |
| 3   | UBND các xã, phường, thị trấn     | 30                                 |

|   |                                                                                                            |    |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 4 | Đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố | 20 |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|

3. Diện tích hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Diện tích hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên và không quá 500 chỗ ngồi) có diện tích tối đa 0,8 m<sup>2</sup>/chỗ ngồi (không kể diện tích sân khấu và các công trình phụ trợ khác).

4. Diện tích kho chuyên ngành: Do cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, xây dựng trụ sở làm việc xem xét, quyết định theo chức năng, nhiệm vụ đặc thù của từng cơ quan, đơn vị.

5. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính:

| STT | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị      | Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Trung tâm Hành chính công tỉnh    | 400                                |
| 2   | UBND các huyện, thị xã, thành phố | 80                                 |
| 3   | UBND các xã, phường, thị trấn     | 50                                 |

**Điều 4. Cấp có thẩm quyền được phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) chịu trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ thẩm quyền đã được quy định tại khoản 1 Điều này).

**Điều 5. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức biên chế dẫn đến thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần phải điều chỉnh dự

án thì Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc đầu tư, xây dựng điều chỉnh dự án đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đã được quy định tại Điều 3 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch, dự toán ngân sách mua sắm, đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc phục vụ công tác và có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ quy định.

b) Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đã được ban hành theo thẩm quyền được phân cấp tại Điều 4 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch, dự toán ngân sách mua sắm, đầu tư xây dựng, thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đúng chế độ quy định.

2. Thẩm quyền quyết định và trình tự thủ tục mua sắm, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

3. Các nội dung khác liên quan đến quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính có ý kiến bằng văn bản về tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý trước khi phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc

mua sắm cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Đài PT-TH Bình Thuận;
- Báo Bình Thuận;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, TH, ĐTQH XD. Thiện

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**